

Số: 06/QĐ-CĐBT

Bến Tre, ngày 07 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021
của Trường Cao đẳng Bến Tre**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẾN TRE

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Trường Cao đẳng Bến Tre (Đính kèm Biểu số 02).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng phòng, khoa, trung tâm có liên quan của Trường Cao đẳng Bến Tre chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Huân

Đơn vị: TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẾN TRE
Chương: 424

Biểu số 2

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-CĐBT ngày 07/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí	14.574
1.1	Học phí chính quy	8.114
1.2	Hệ vừa làm, vừa học	1.875
	+ Hệ VLVH	489
	+ Khối Đại học liên kết	1.386
1.3	Lệ phí xét tuyển, thi tuyển	75
1.4	Thu khác	1.575
1.5	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	2.935
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	10.787
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.787
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.787
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	126
3.1	Hoạt động sự nghiệp	67
3.2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	59
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.174
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	19.174
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.306
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.868

Bến Tre, ngày 07 tháng 01 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


TS. Nguyễn Văn Huân